TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2024/DS-PT
Ngày: 18/12/2024
V/v "Tranh chấp quyền sở hữu và hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Ông **Phạm Trường Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Tín** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Huỳnh Văn Cường** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18/12/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sở hữu và hợp đồng dân sự".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 108/2024/DS-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 347/2024/QĐ-PT ngày 05/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Kiều N**, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số B, khóm V, phường T, TP ., tỉnh Vĩnh Long.

Địa diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Trần Hoàng T**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số F, Phó C, phường C, TP ., tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Nhựt T1**, sinh năm 1980

Địa chỉ: A, khóm C, phường I, TP ., tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị **Lê Thị Hồng T2**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tầng E, số A P, phường A, quận B, TP ..

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Đặng Văn H**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số B, khóm V, phường T, TP ., tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp của ông H là bà **Huỳnh Thị Kiều N**, sinh năm: 1975 ; Địa chỉ: Số B, khóm V, phường T, TP ., tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Ông **Phạm Thanh V**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số B ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông V là ông:

- **Hồ Tấn D**, sinh năm 1985; Địa chỉ: A N, phường T, quận N, TP ..

- **Nguyễn Minh T3**, sinh năm 1984; Địa chỉ: A K, tổ I, khu V, phường A, quận N, TP ..

- **Nguyễn Đạt T4**, sinh năm 1999; Địa chỉ: Ấp M, xã M, Tx. B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/02/2024 của nguyên đơn Huỳnh Thị Kiều N, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Hoàng T đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2020 và 2021, bà Huỳnh Thị Kiều N có nhận chuyển nhượng 07 quyền sử dụng đất gồm các thửa 285 của ông Trương Văn K; thửa 165, 166 của ông Nguyễn Văn D1, bà Lê Thị Kim C; thửa 254 của ông Văn Tấn T5; thửa 218 của Trương Hoàng K1, bà Nguyễn Thị N1; thửa 107 (thửa mới 299) của ông Nguyễn Thanh L và bà Trương Thị Ánh X, cùng tờ bản đồ số 5 và thửa đất số 164 (thửa mới 182) của ông Trương Hoàng K1, tờ bản đồ số 35; cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Các thửa đất trên bà N nhận chuyển nhượng với giá khoảng trên 10 tỷ đồng.

Mục đích nhận chuyển nhượng các quyền sử dụng đất trên là để làm dự án phân lô, bán nền; thời điểm đó ông Hồ Nhựt T1 làm giám đốc Công ty TNHH B với ngành nghề Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản,…cho nên, ngày 27/12/2021 bà N, ông H lập Hợp đồng ủy quyền cho ông T1 thay mặt, nhân danh bà N, ông H thực hiện các thủ tục hành chính tại các cơ quan; quản lý, sử dụng, định đoạt, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật,…Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C1.

Do cần tiền làm ăn nên, bà N liên hệ Ngân hàng làm thủ tục vay nhưng Ngân hàng chỉ cho vay số tiền rất thấp, nên bà có nhờ ông T1 đứng ra vay dùm, vì ông T1 có tư cách pháp nhân. Qua trao đổi được biết ông T1 cũng cần tiền để kinh doanh nên ông Thông đồng Ý và định vay số tiền 30 tỷ đồng, trường hợp vay được

thì ông T1, bà N mỗi bên lấy 15 tỷ và cùng chịu trả lãi. Sau khi bàn bạc, ông T1 nhờ bà Nguyễn Thị Mỹ L1 là chị dâu của ông T1 (bà L1 là Giám đốc Công ty TNHH MTV T6) đứng tên quyền sử dụng đất để vay tiền. Bà L1 đồng ý nên ngày 16/8/2022, bà N cùng chồng là ông Đặng Văn H lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa đất trên cho bà L1 với giá 4,3 tỷ đồng (hai bên không phát sinh nghĩa vụ giao nhận tiền và tài sản). Ngày 24 và 25/8/2022, bà L1 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bà L1 không vay được nên ngày 15/9/2022 bà L1 lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho bà N đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 20/9/2022, với giá 4,5 tỷ đồng.

Do bà L1 không vay được tiền nên bà N có nhờ ông T1 đứng tên dùm để vay tiền. Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất và để làm tin việc nhờ ông T1 đứng tên dùm thì ngày 17/11/2022 hai bên ký Văn bản thỏa thuận với nội dung ông T1 mượn 07 quyền sử dụng đất của vợ chồng bà N. Theo đó ngày 22/11/2022, vợ chồng bà N ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa 285, 165, 166, 254, 218, 107, cùng tờ bản đồ số 5 và thửa đất số 164, tờ bản đồ số 35; cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cho ông T1 với giá 4,9 tỷ đồng (hai bên cũng không phát sinh nghĩa vụ giao nhận tiền và tài sản). Ngày 25/11/2022, ông T1 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì làm thủ tục vay tiền, trong quá trình chờ làm thủ tục thì ông Phạm Thanh V có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*" quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với 07 thửa đất trên, nên Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 494/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 23/12/2022.

Do ông T1 không vay được tiền nên bà N đề nghị ông T1 chuyển trả lại 07 quyền sử dụng đất cho bà nhưng không thực hiện được vì đã bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Để xác định chủ sử dụng các quyền sử dụng đất trên, ngày 10/6/2023 tại "Văn bản xác nhận tài sản" một lần nữa ông T1 đã khẳng định toàn bộ khối tài sản gồm 07 quyền sử dụng đất trên thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà N. Bà N xác định việc chuyển nhượng 07 quyền quyền sử dụng đất cho ông T1 là giả tạo nhằm mục đích nhờ ông T1 vay tiền nhiều để bà và ông T1 có vốn làm ăn, chứ không có việc chuyển nhượng thật nên giữa hai bên không có việc giao nhận tiền và đất. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án vô hiệu các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng ngày 22/11/2022, giữa vợ chồng bà với ông T1, buộc ông T1 trả lại cho bà 07 quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 285, 165, 254, 218, 299, 166, cùng tờ bản đồ số 5 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 35; cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; buộc ông T1 phải chịu toàn bộ chi phí sang tên, chi phí tại Tòa án. Đồng thời, yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 494/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Bị đơn Hồ Nhựt T1 không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho ông T1 trình bày:

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn thừa nhận ông T1 có đứng tên dùm cho bà N 07 quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 285, 165, 254, 218, 299, 166, cùng tờ bản đồ số 5 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 35; cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long như bà N trình bày là đúng sự thật; việc đứng tên dùm quyền sử dụng đất nhằm mục đích vay tiền để hai bên làm ăn. Cho nên, ông Thông đồng Ý hoàn trả lại 07 quyền sử dụng đất cho bà N, ông H; còn các chi phí thì không thống nhất vì hiện nay ông T1 gặp khó khăn.

Ông Hồ Tấn D đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thanh V trình bày: Ông V không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà N; việc bà N, ông H chuyển nhượng 07 quyền sử dụng đất cho ông T1 là sự tự nguyện, được công chứng hợp pháp và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 là đúng pháp luật. Căn cứ Bản án số: 66/2024/DSST, ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thì ông T1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông V gốc, lãi 13.045.950.000đ, nhưng ông Thông đồng Ý trả lại 07 quyền sử dụng đất cho bà N, ông H là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông V. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng:

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 116, 124, 131, 132 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/11/2022, giữa bà Huỳnh Thị Kiều N, ông Đặng Văn H với ông Hồ Nhựt T1 đối với quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 165, 254, 218 cùng tờ bản đồ số 5 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 35; cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/11/2022, giữa bà Huỳnh Thị Kiều N, ông Đặng Văn H với ông Hồ Nhựt T1 đối với quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 166, 299, 218 cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Huỳnh Thị Kiều N có nghĩa vụ kê khai, đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Kiến nghị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 494/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

3. Dành cho ông Phạm Thanh V được quyền khởi kiện bà Huỳnh Thị Kiều N bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn xử lý về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/8/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh V có đơn kháng cáo với nội dung:

Kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 06/9/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long có quyết định kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo hướng sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông V, đại diện theo ủy quyền của ông V là ông D, ông T5 trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kiều N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày Kháng nghị số 11/QĐ-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Long, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long.

Bà N, đại diện theo ủy quyền của bà N là anh T trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thanh V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Long và đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện ủy quyền của ông T1 là bà T2 trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông V và không đồng ý kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung:

Kiểm sát viên trình bày nội dung, phân tích chứng cứ, căn cứ pháp luật và đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông V, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Long; Sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đang được giải quyết trong vụ án vay tài sản, không thực hiện trong vụ án này.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Phạm Thanh V còn trong hạn theo quy định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Long còn trong hạn luật định tại Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

1. Nguồn gốc phần đất tranh chấp các thửa số 285, 165, 218, 254, 299, 166 tờ bản đồ số 5 và thửa số 182 tờ bản đồ số 35 cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là do bà Huỳnh Thị Kiều N nhận chuyển nhượng của Trương Văn K, Nguyễn Văn D1, Lê Thị Kim C, Văn Tấn T5, Trương Hoàng K1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thanh L và Trương Thị Ánh X. Hợp đồng chuyển nhượng các bên đã thực hiện giao đất, giao nhận tiền và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, bà N trình bày việc chuyển nhượng 07 thửa đất trên để làm dự án phân lô bán nền. Sau khi nhận chuyển nhượng bà N thuê người lập bản vẽ, do bà N không hiểu về thủ tục hành chính nên nhờ ông T1 là Giám đốc Công ty TNHH B hiểu biết về chuyên môn lĩnh vực hành chính. Ngày 27/12/2021 bà N cùng chồng là Đặng Văn H lập ủy quyền cho ông T1 thay mặt bà N, ông H thực hiện các thủ tục hành chính tại các cơ quan, quản lý, sử dụng, định đoạt, thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/8/2022 giữa ông H, bà N với bà L1 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/11/2022 giữa ông H, bà N với ông T1, cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu theo đúng quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự 2015, bởi lẽ thể hiện lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện hợp đồng chuyển nhượng giữa bà N với bà L1 vào

ngày 16/8/2022, đến ngày 24-25/8/2022 bà L1 được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 07 thửa của bà N. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2024, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà L1 xác nhận bà là chị dâu của ông T1; trước đây ông T1 có nhờ chồng của bà là Hồ Minh N2 (ông N2 là anh ruột của ông T1) đứng tên Công ty TNHH MTV T6, nhưng đầu năm 2022, ông T1 kêu bà đứng tên dùm Công ty này. Đến giữa năm 2022, ông T1 cần tiền làm ăn nên có hỏi mượn của vợ chồng bà N 07 quyền sử dụng đất thuộc thửa số 285, 165, 254, 218, 299, 166, cùng tờ bản đồ số 5 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 35; cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và kêu bà đứng tên 07 quyền sử dụng đất này nhằm mục đích vay tiền của Ngân hàng; bà không có nhận hay thanh toán tiền gì với bà N hay ông T1. Tuy nhiên, sau khi bà L1 đứng tên các quyền sử dụng đất thì không vay được tiền nên ngày 15/9/2022, bà L1 làm thủ tục chuyển nhượng các quyền sử dụng đất trên trả lại cho bà N. Như vậy, cho thấy việc bà N chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L1 là nhằm mục đích đứng tên dùm để vay tiền, chứ không có việc chuyển nhượng thật, cho nên khi không vay được tiền thì bà L1 đã chuyển nhượng trả lại quyền sử dụng đất cho bà N. Lời trình bày của bà L1 phù hợp lời trình bày của cán bộ ngân hàng ngày 02/12/2024, đồng thời hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/11/2022 giữa vợ chồng bà N với ông T1. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N và đại diện ủy quyền của ông T1 đều xác định việc chuyển nhượng là để ông T1 vay tiền, hợp đồng chuyển nhượng nhằm mục đích giả tạo che giấu thực hiện giao dịch khác, ông T1 cũng không có giao tiền, vàng gì cho bà N, ông H và bà N cũng không có nhận tiền gì của ông T1 trong việc đứng tên trên, mục đích để vay tiền làm ăn, thực tế ông T1 cũng không vay được tiền của ngân hàng phù hợp lời khai của cán bộ ngân hàng ngày 02/12/2024. Tại phiên Tòa các đương sự trình bày 07 thửa đất trên từ trước đến nay do bà N là người trực tiếp quản lý, sử dụng, phía ông T1, bà L1 không có quản lý sử dụng, mặt khác tại Văn bản thỏa thuận ngày 17/11/2022 thể hiện ông T1 mượn và đứng tên dùm bà N nên quyền sử dụng đất vẫn còn thuộc quyền sử dụng của bà N và ngày 07/5/2024 Ủy ban nhân dân xã T xác nhận có vận động bà N, ông T1 hiến đất làm đường giao thông là đúng và các hộ dân lân cận xác nhận 07 quyền sử dụng đất trên do bà N quản lý sử dụng nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà N là có căn cứ, đúng pháp luật.

3. Xét kháng cáo của ông V về việc kiến nghị hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 494/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long về việc phong tỏa toàn bộ 07 thửa đất 165, 166, 182, 218, 254, 285, 299 thuộc quyền của bà N nên đối tượng phong tỏa không còn của ông T1, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long đề nghị không xem xét trong vụ án này để xử lý trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông V và

nguyên đơn, bị đơn ông T1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà N là có căn cứ vì Quyết định 494/2022/QĐ-BPKCTT này đã được xử lý trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

4. Đại diện theo ủy quyền của ông V cho rằng cấp sơ thẩm không thụ lý đơn yêu cầu độc lập của ông V không đúng là chưa có căn cứ, cấp sơ thẩm không xem xét đơn yêu cầu độc lập của ông V là phù hợp theo quy định tại Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét.

5. Ông V có đơn yêu cầu giám định chữ ký , chữ viết, lăn tay của ông là đúng, ông T1 từ chối giám định và không cung cấp mẫu, tại phiên tòa bà N khẳng định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của bà là đúng, bà không đồng ý giám định, nên không chấp nhận yêu cầu giám định của ông V.

6. Như nhận định trên không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Thanh V, không chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Long về nội dung và chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên về xử lý Quyết định 494/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông V nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền ông V đã nộp theo Biên lai thu số 0007177 ngày 28/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thanh V, y án sơ thẩm về nội dung.

Không chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Long về nội dung và chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên về xử lý Quyết định 494/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 116, 124, 131, 132 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/11/2022 giữa bà Huỳnh Thị Kiều N, ông Đặng Văn H đối với ông Hồ Nhựt T1 đối với quyền sử dụng đất thửa số 218, 299, 166 cùng tờ bản đồ số 5, cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/11/2022 giữa bà Huỳnh Thị Kiều N, ông Đặng Văn H đối với ông Hồ Nhựt T1 đối với quyền sử dụng đất thửa số 165, 254, 285 cùng tờ bản đồ số 5 vả thửa 182 tờ bản đồ số 35, cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Huỳnh Thị Kiều N tiếp tục sử dụng các thửa đất nêu trên và có nghĩa vụ kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Đối với Quyết định số 494/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long sẽ được xem xét trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông V nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông V đã nộp xong (theo biên lai thu số 0007177 ngày 28/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- TAND TPVL 01;
- THADS TPVL 01;
- Các ĐS 07;
- HCTP 01;
- KTNV&THA 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 03.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng